

	KHOẢN MỤC PHÍ	KHCN	KH MB Priority	KH MB Private	Ghi chú
I	PHÍ PHÁT HÀNH				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth		Miễn phí		
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth		Miễn phí		
3	Thẻ tín dụng Visa /JCB Platinum		Miễn phí		
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	Không áp dụng	Miễn phí	Miễn phí	
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum		Miễn phí		
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	+Thẻ PVC: 500.000 VND/thẻ chính +Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính + Thẻ phi vật lý: Miễn phí	+Thẻ PVC: Miễn phí +Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính + Thẻ phi vật lý: Miễn phí		Áp dụng từ ngày 01/05/2026. MB sẽ thực hiện truy thu phí phát hành với các trường hợp hệ thống chưa tự động thu phí theo biểu.
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	Thẻ phụ: +Phôi PVC: miễn phí + Phôi Kim loại: không triển khai thẻ phụ	2,000,000 VNĐ	Miễn phí	
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	Thẻ chính: 4.000.000 VND	Thẻ phụ: 4.000.000 VND	Thẻ chính: Miễn phí	
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	Thẻ chính: 4.000.000 VND	Thẻ phụ: 4.000.000 VND	Thẻ chính: Miễn phí	Áp dụng từ ngày 01/01/2026
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo, SSC				
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum				
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum				
II	PHÍ PHÁT HÀNH LẠI THẺ / PIN				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth				
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum				
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum				
5	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority				
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate				
7	Thẻ tín dụng Visa Signature				
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite				
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite				
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum				
11	Hỗ trợ khác				
	Phí cấp lại PIN tại quầy - PIN Giấy				
	Phí cấp lại PIN trên app				
	Phí trả thẻ tại nhà				
III	PHÍ THƯỜNG NIÊN				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth				
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/ JCB Platinum				
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority				
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum				
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate				
7	Thẻ tín dụng Visa Signature				
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite				
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite				
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo				
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu SSC				
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum				
13	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum				
IV	PHÍ GIAO DỊCH				
1	Giao dịch qua POS của MB				
	Giao dịch thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ				
	Giao dịch ứng tiền mặt bằng thẻ tín dụng - chưa bao gồm VAT				
	Phí in sao kê 5 giao dịch gần nhất				
	Phí đổi PIN				
2	Giao dịch ứng tiền mặt qua POS của ngân hàng khác				
3	Giao dịch trên ATM của MB				
	Phí rút tiền mặt				
	Phí truy vấn số dư				
	Phí in sao kê giao dịch				
	Phí đổi PIN				
4	Giao dịch qua ATM của NH khác				
	Phí rút tiền mặt - chưa bao gồm VAT				
	In sổ dư khả dụng (OTB)				
	Phí in sao kê giao dịch				
	Phí đổi PIN				

5	Phí thay đổi hạng thẻ (nâng hạng/hạ hạng)		
	Với thẻ tín dụng Visa Infinite & Mastercard World Elite	Nâng hạng: 4.000.000 VND/thẻ; Giảm hạng: Không áp dụng	Áp dụng từ 01/01/2026
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	200.000 VND/thẻ; (miễn phí trường hợp thẻ hết hạn và phải đổi hạng do không đủ điều kiện ở hạng cũ)	
6	Phí gia hạn thẻ (không thu VAT)	Miễn phí	
7	Phí ngừng sử dụng thẻ theo yêu cầu của KH		
	Đối với thẻ Visa Infinite và Mastercard World Elite	3.000.000 VND/thẻ	Áp dụng từ 15/01/2026
	Đối với thẻ Visa Signature	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 600.000 VND/thẻ; Các trường hợp khác: 300.000 VND/thẻ	
	Đối với thẻ phi vật lý từ hệ thống (thẻ tặng khi onboard app, QRTS, thẻ aia hạn tự động,...)	Miễn phí	
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 200.000 VND/thẻ Các trường hợp khác: 100.000 VND/thẻ	Với thẻ phi vật lý, áp dụng từ 08/05/2026
8	Phạt chậm thanh toán (không thu VAT)	6% * Số tiền tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu 200.000VND	
9	Phí điều chỉnh hạn mức tín dụng		Kênh quầy: Từ 18/07/2025 Kênh App: Từ 01/08/2025 Thẻ Visa Signature áp dụng từ 09/04/2026
	+ Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo chính sách MB thực hiện	Miễn phí	
	+ Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng	Miễn phí lần đầu. Áp dụng từ lần thứ 2: 70.000 VND/ lần	
10	Phí thay đổi hạn mức giao dịch	Miễn phí	
11	Phí thay đổi hình thức đảm bảo sử dụng thẻ (không thu VAT)	100.000 VND/lần	
12	Phí cập nhật lên danh sách thẻ cấm lưu hành của tổ chức thẻ quốc tế		
	Thẻ tín dụng VISA	200.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng JCB	900.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng MASTERCARD	200.000 VND/lần	
13	Phí tra soát (Áp dụng khi chủ thẻ khiếu nại không đúng)	Miễn phí	
	Giao dịch rút tiền ATM	Miễn phí	
14	Phí cấp lại bản sao sao kê	50.000 VND/bản	
15	Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác	100.000 VND/lần	
16	Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)		
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Platinum	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	Gói Hàng ngày/Phong cách sống: 2% * Số tiền giao dịch; Gói Du lịch: 0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite	Miễn phí	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	Miễn phí	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	2.0% * Số tiền giao dịch	
17	Phí xử lý giao dịch nước ngoài (bao gồm giao dịch hoàn trả hàng hóa)		Dự kiến từ quý IV.2026, áp dụng mức thu tối thiểu xét theo giá trị giao dịch, cụ thể: - Giao dịch dưới 150,000 VND: tối thiểu 5,000 VND/giao dịch - Giao dịch từ 150,000 VND trở lên: tối thiểu 10,000 VND/giao dịch
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
18	Phí cung cấp bản sao hóa đơn, áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng	80.000 VND/hóa đơn	
19	Phí giao dịch trên hạn mức dự phòng (nếu có)		
20	Phí duy trì hạn mức với thẻ không hoạt động trong hơn 12 tháng		
21	Phí giao dịch đặc biệt (nếu có)		Từ 06/2025
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ dưới 50 triệu đồng	150.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 50 đến dưới 100 triệu đồng	300.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 100 triệu đồng trở lên	500.000VND/kỳ	
V	TRẢ GÓP		
I	Đối với Thẻ tín dụng Visa Signature		
1	Trường hợp chọn thu phí đầu kỳ		
1.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	Miễn phí	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Miễn phí	
1.2	Phí quản lý trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
1.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
1.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
2	Trường hợp chọn thu phí hàng kỳ		
2.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	Miễn phí	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Miễn phí	

2.2	Phí quản lý trả góp (thu KH) - Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
2.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
2.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
II Đối với Thẻ tín dụng còn lại			
1 Trả góp giao dịch			
1.1	Trả góp tại Đơn vị liên kết		
	- Phí Trả góp thu KH	Miễn phí/ Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí hỗ trợ trả góp thu ĐVLK	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
1.2	Trả góp trên App MBBank/tổng đài MB247		
1.2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn)	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
1.2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp)	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
2 Trả góp dư nợ			
2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		Áp dụng từ 01/03/2026
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	
	+ Kỳ hạn 3-24 tháng	0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 48 tháng	0.50%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 60 tháng	0.45%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	
	+ Kỳ hạn 3-12 tháng	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	+ Kỳ hạn 24 tháng	1.1%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.65%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 48-60 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2.5% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
3 Trường hợp Trả góp theo Chương trình ưu đãi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) MBLife			
3.1	Với hợp đồng đóng phí năm 1		
	- Phí trả góp	Miễn phí; Áp dụng với kênh thanh toán trên "Cổng bảo hiểm MB" và khách hàng tick chọn Trả góp (tại Chợ ứng dụng trên App MBBank); Không áp dụng miễn phí với các kênh thanh toán khác. Trường hợp Khách hàng thực hiện thanh toán HĐBH MBLife tại các kênh khác và chuyển đổi trả góp, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Áp dụng từ ngày 10/12/2025
3.2	Với hợp đồng đóng phí năm 2		Áp dụng từ ngày 15/04/2026 đến 31/12/2026 hoặc đến khi có thông báo thay thế
	- Phí trả góp	Miễn phí; Khách hàng đăng ký với CV Tư vấn MBLife và thanh toán theo các kênh MBLife cung cấp. Trường hợp Khách hàng tự thực hiện chuyển đổi trả góp trên App, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
3.3	Với hợp đồng đóng phí năm 3 trở lên		
	- Phí trả góp		
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Khách hàng thực hiện đăng ký trên App MBBank/tổng đài MB247, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)		

VI	LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG			
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth		30%/năm	
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth		30%/năm	
3	Thẻ tín dụng JCB Platinum		30%/năm	
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum		30%/năm	
5	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority		25%/năm	
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate		25%/năm	
7	Thẻ tín dụng Visa Signature		30%/năm	
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite		12%/năm	- Trước ngày 11/09/2026: Áp dụng lãi suất ưu đãi đặc biệt 12%/năm trên dư nợ thẻ - Từ ngày 11/09/2026: Áp dụng lãi suất 22,9%/năm trên dư nợ thẻ (cho đến khi có thông báo mới từ MB)
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite		12%/năm	
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum		30%/năm	
VII	LƯU Ý KHÁC			

- Biểu phí và lãi suất được cập nhật theo quy định MB từng thời kỳ, công bố trên website mbbank.com.vn/fee hoặc mục "Tài liệu, biểu mẫu" -> "Khách hàng cá nhân"
- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT
- Từ 10/04/2026, MB áp dụng nguyên tắc làm tròn số tiền phí thẻ (chưa VAT) đến hàng chục, cụ thể như sau:
 - Nếu phần đơn vị ≥ 05 thì làm tròn hàng chục lên 10
 - Nếu phần đơn vị < 05 thì làm tròn hàng chục xuống 00